



HỆ THỐNG CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN PHỔ CẬP GIÁO DỤC CHO CÁC VÙNG KHÓ KHĂN

• ThS. TRỊNH THỊ ANH HOA

Trung tâm nghiên cứu Quản lý Giáo dục

Phổ cập giáo dục (PCGD) là một trong những nhiệm vụ quan trọng của giáo dục phổ thông Việt Nam trong thời kì thực hiện CNH và HĐH. Chính vì vậy, Đảng, Chính Phủ, Nhà nước, Bộ Giáo dục & Đào tạo đã ban hành rất nhiều các văn bản chỉ đạo việc thực hiện PCGD và đã có rất nhiều chương trình, dự án ưu tiên đầu tư cho việc thực hiện PCGD. Tính đến tháng 7/2009, cả nước đã có 47/63 tỉnh thành đạt chuẩn PCGD tiểu học đúng độ tuổi và 55/63 tỉnh thành đạt chuẩn PCGD trung học cơ sở (THCS) [2]. Hầu hết các tỉnh chưa đạt chuẩn là các tỉnh miền núi, vùng sâu, vùng xa. Chất lượng công tác PCGD THCS chưa cao, nguy cơ tái mù chữ và mất

chuẩn vẫn còn tiềm ẩn ở một số tỉnh. Để đạt mục tiêu đến năm 2010 cả nước hoàn thành PCGD THCS [3] cần có hệ thống giải pháp hữu hiệu thực hiện PCGD đặc biệt cho các vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa. Để tìm hiểu mức độ cần thiết và tính khả thi của các giải pháp, chúng tôi đã tiến hành một nghiên cứu, trưng cầu ý kiến của 269 cán bộ quản lý (CBQL) và 499 giáo viên (GV) của 3 tỉnh Hòa Bình, Hà Giang và Yên Bái. Đối với mỗi giải pháp, CBQL, GV đánh giá và điền vào mức cần thiết theo 3 mức độ (Không cần thiết, ít cần thiết và cần thiết) và tính khả thi cũng theo 3 mức độ (không khả thi, ít khả thi và khả thi). Kết quả tính toán bằng thang đo Likelihood¹ ở Bảng 1 như sau:

Bảng 1. Ý kiến CBQL về mức độ cần thiết và khả thi của các giải pháp chủ yếu thực hiện PCGD cho vùng khó khăn

TT	Nhóm giải pháp	Mức độ cần thiết		Mức độ khả thi	
		CBQL	GV	CBQL	GV
Nhóm giải pháp 1. Đảm bảo việc thực hiện mục tiêu, kế hoạch PCGD					
1	Đưa công tác PCGD vào trong các Nghị quyết, Chỉ thị, Chương trình hành động của các cấp ủy Đảng, HĐND, Ủy ban nhân dân.	1.00	0.99	0.98	0.97
2	Xây dựng kế hoạch tổng thể phát triển giáo dục và các chỉ tiêu kế hoạch đạt chuẩn PCGD, kế hoạch mở các lớp PCGD chi tiết đến từng xã.	0.96	0.95	0.96	0.94
3	Củng cố Ban chỉ đạo về PCGD tỉnh đến huyện và xã, có kế hoạch phân công nhiệm vụ, theo dõi tiến độ, kịp thời giải quyết những khó khăn nảy sinh trong quá trình PCGD.	0.95	0.97	0.97	0.97
4	Giám sát, kiểm tra, đánh giá, động viên, khen thưởng kịp thời và thường xuyên những tập thể, cá nhân có thành tích trong quá trình thực hiện PCGD.	0.98	0.97	0.96	0.97
5	Tổ chức giao lưu học hỏi kinh nghiệm giữa các đơn vị thực hiện PCGD.	0.93	0.93	0.98	0.97

¹ Nếu câu trả lời phải lựa chọn 1 trong k mức độ đã sắp thứ tự (tăng dần hoặc giảm dần) thì độ đo Likelihood được tính bằng:

$$n_1 * 0 + n_2 * 1 + \dots + n_k * (k - 1)$$

, trong đó $n_1, n_2, \dots, n_k$ lần lượt là tần số lựa chọn ở các mức 1, 2, ..., k; N là tổng số người

$$(k - 1) * N$$

tham gia trả lời.

Nhóm giải pháp 2. Đảm bảo số lượng và chất lượng PCGD					
1	Thực hiện tốt công tác điều tra, lập hồ sơ các đối tượng trong diện PCGD.	0.98	0.98	0.97	0.97
2	Huy động học sinh trong độ tuổi ra lớp, ngăn chặn hiện tượng học sinh bỏ học, hạn chế tỉ lệ lưu ban, nâng cao tỉ lệ học sinh tốt nghiệp tiểu học và THCS.	0.99	0.99	0.91	0.93
3	Tổ chức và quản lí và tốt các trường có học sinh bán trú dân nuôi.	0.97	0.97	0.91	0.91
4	Bổ sung và hoàn thiện nội dung chương trình giáo dục	0.90	0.91	0.89	0.91
Nhóm giải pháp 3. Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên					
1	Xây dựng kế hoạch đào tạo đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, chất lượng đồng bộ ở các môn học.	1.00	1.00	0.98	0.97
2	Xây dựng chính sách tăng cường đội ngũ GV cho vùng khó khăn	0.99	0.97	0.88	0.82
Nhóm giải pháp 4. Về quản lí CSVC và tài chính					
1	Quy hoạch mạng lưới trường, lớp ở các xã, cụm xã, đa dạng hóa các loại hình trường, lớp và hình thức học tập, tạo điều kiện cho học sinh yên tâm học tập.	0.95	0.98	0.92	0.91
2	Mở các lớp bán trú, nội trú dân nuôi, lớp nhô và lớp phổ cập cắm bản	0.91	0.81	0.88	0.85
3	Tăng cường đầu tư phát triển giáo dục; sử dụng và quản lí tài chính có hiệu quả	0.98	0.98	0.91	0.91
Nhóm giải pháp 5. Tăng cường sự tham gia của các lực lượng xã hội					
1	Tăng cường công tác tuyên truyền để nâng cao nhận thức trong cộng đồng về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác PCGD.	0.99	0.99	0.92	0.87
2	Phối hợp với chính quyền địa phương quản lí hộ khẩu, hộ tịch, chỉ giải quyết cho đi làm ăn xa khi hoàn thành PCGD THCS, có quy định diện 15-18 tuổi được phép hành nghề khi tốt nghiệp THCS	0.95	0.92	0.89	0.85
3	Các đoàn thể cần đưa ra chỉ tiêu việc tham gia vận động học sinh ra lớp gắn với việc xem xét thi đua tập thể và cá nhân	0.97	0.92	0.87	0.86
4	Xây dựng chính sách hỗ trợ già làng, trưởng bản, bộ đội biên phòng để vận động duy trì các lớp phổ cập.	0.94	0.92	0.88	0.79
5	Xây dựng chính sách hỗ trợ học sinh nghèo về lương thực, tiền mua sách vở và đồ dùng học tập	0.99	0.99	0.89	0.86
6	Xây dựng chương trình cộng đồng tham gia hỗ trợ công tác phổ cập GD	0.98	0.97	0.83	0.85
7	Xây dựng chương trình hoạt động thanh niên tình nguyện tham gia công tác PCGD	0.90	0.89	0.96	0.93



a) Đối với nhóm giải pháp 1 về đảm bảo việc thực hiện mục tiêu, kế hoạch PCGD.

Nhóm giải pháp 1 bao gồm 5 giải pháp, cả 5 giải pháp đều được CBQL, GV của các xã khó khăn của 3 tỉnh Hòa Bình, Yên Bái, Hà Giang khẳng định là cần thiết với mức đánh giá theo thang đo Likelihood từ 0,93 đến 0,99. Giải pháp được tất cả CBQL, GV đánh giá cao nhất đó là giải pháp 1 "Đưa công tác PCGD vào trong các Nghị quyết, Chỉ thị, Chương trình hành động của các cấp ủy Đảng, HĐND, UBND". Giải pháp này được tất cả CBQL của 2 tỉnh Yên Bái và Hà Giang khẳng định là cần thiết (Chỉ số likelihood đạt tối đa là 1,00). Sự quan tâm chỉ đạo thường xuyên của các cấp ủy Đảng, chính quyền, sự quan tâm của các tổ chức chính trị - xã hội là yếu tố quyết định trong việc thực hiện các mục tiêu PCGD. Các chỉ thị của tỉnh ủy, kế hoạch của UBND tỉnh có tác động rất tích cực, hiệu quả trong việc nâng cao nhận thức của các tổ chức chính trị - xã hội, của nhân dân về trách nhiệm và nghĩa vụ đối với sự nghiệp giáo dục nói chung cũng như đối với công tác PCGD nói riêng.

Kết quả trưng cầu ý kiến của CBQL, GV vùng khó khăn về vấn đề này cho thấy đa số CBQL, GV đều khẳng định giải pháp này có tính khả thi cao (Chỉ số likelihood đạt 0,98 và 0,97). Kinh nghiệm những năm chỉ đạo phát triển giáo dục ở vùng khó khăn trong cả nước đã chỉ ra rằng, ở địa phương nào mà cấp ủy Đảng và chính quyền đưa ra được những giải pháp mạnh mẽ, chỉ đạo sát sao, kiểm tra đôn đốc thường xuyên thì phong trào giáo dục ở đó phát triển, cho dù tỉnh đó còn nhiều khó khăn.

Việc xây dựng kế hoạch tổng thể phát triển giáo dục và các chỉ tiêu kế hoạch đạt chuẩn PCGD, kế hoạch mở các lớp PCGD chi tiết đến từng xã cũng là giải pháp được CBQL, GV khẳng định là cần thiết để có thể thực hiện PCGD ở các vùng khó khăn (Chỉ số likelihood 0,96 và 0,95). Việc xây dựng kế hoạch tổng thể phát triển giáo dục và các chỉ tiêu kế hoạch đạt chuẩn PCGD, kế hoạch mở các lớp PCGD chi tiết đến từng xã sẽ giúp cho các địa phương chủ động trong việc thực hiện mục tiêu, huy động các nguồn lực để thực hiện và đặc biệt giúp cho công tác kiểm tra công nhận các đơn vị đạt chuẩn phổ cập cơ sở vững chắc, kịp thời. Kết quả trưng cầu ý kiến

CBQL và GV về tính khả thi của giải pháp này cho thấy, hầu hết đều khẳng định giải pháp này có tính khả thi cao (chỉ số Likelihood đạt 0,96 và 0,94).

Củng cố Ban chỉ đạo về PCGD tỉnh đến huyện và xã, có kế hoạch phân công nhiệm vụ, theo dõi tiến độ, kịp thời giải quyết những khó khăn nảy sinh trong quá trình PCGD, cũng là giải pháp được CBQL, GV đánh giá là rất cần thiết (Chỉ số Likelihood đạt 0,95 và 0,97). Để đạt được mục tiêu PCGD THCS vào năm 2010, Chính phủ đã ban hành các quyết định, các chỉ thị về công tác này. Củng cố Ban chỉ đạo vững mạnh là điều kiện quan trọng để duy trì và thúc đẩy công tác PCGD. Kinh nghiệm PCGD thành công ở một số tỉnh cho thấy, Ban chỉ đạo PCGD các cấp phải có sự phân công trách nhiệm, có kế hoạch, mục tiêu, giải pháp cụ thể và định kì họp kiểm điểm rút kinh nghiệm về công tác PCGD. Kết quả trưng cầu ý kiến CBQL và GV về tính khả thi của giải pháp này cho thấy, hầu hết đều khẳng định giải pháp này có tính khả thi cao (chỉ số Likelihood đạt 0,97 và 0,97).

Bên cạnh các giải pháp trên, giải pháp "Giám sát, kiểm tra, đánh giá, động viên, khen thưởng kịp thời và thường xuyên những tập thể, cá nhân có thành tích trong quá trình thực hiện PCGD" và "Tổ chức giao lưu học hỏi kinh nghiệm giữa các đơn vị thực hiện PCGD" cũng là các giải pháp được CBQL và GV khẳng định là cần thiết (Chỉ số likelihood đều từ 0,93 trở lên).

Tóm lại, tất cả các giải pháp trong nhóm giải pháp 1 về đảm bảo việc thực hiện mục tiêu và kế hoạch PCGD đưa ra đều được CBQL và GV khẳng định là cần thiết với chỉ số likelihood từ 0,87 đến 1 và đều mang tính khả thi với chỉ số likelihood từ 0,94 đến 0,99.

b) Đối với nhóm giải pháp 2 về đảm bảo số lượng và chất lượng PCGD.

Cả 4 giải pháp trong nhóm này đều được CBQL, GV của các xã khó khăn của 3 tỉnh khẳng định là cần thiết với mức đánh giá theo thang đo Likelihood từ 0,83 đến 1. Giải pháp "Huy động học sinh trong độ tuổi ra lớp, ngăn chặn hiện tượng học sinh bỏ học, hạn chế tỉ lệ lưu ban, nâng cao tỉ lệ học sinh tốt nghiệp tiểu học và THCS" là giải pháp được CBQL và GV đánh giá cao nhất trong 4 giải pháp của nhóm

(Chỉ số Likelihood đạt 0,99). Đây là giải pháp cơ bản để có thể thực hiện mục tiêu PCGD. Kết quả trưng cầu ý kiến CBQL và GV về tính khả thi của giải pháp này cho thấy, hầu hết đều khẳng định giải pháp này có tính khả thi cao (chỉ số Likelihood đạt 0,97 và 0,97).

Tiếp đến là giải pháp "Thực hiện tốt công tác điều tra, lập hồ sơ các đối tượng trong diện PCGD" được CBQL và GV đánh giá cần thiết (chỉ số Likelihood đạt 0,98). Thực tế cho thấy việc nắm vững dân số trong độ tuổi, đặc biệt là đối tượng trong diện PCGD là một trong những điều kiện để thực hiện thành công việc huy động trẻ ra lớp. Kết quả điều tra phổ cập đã giúp các ngành lập kế hoạch, điều chỉnh kế hoạch và dự báo khả năng đạt chuẩn về PCGD THCS, đặc biệt giúp cho công tác kiểm tra công nhận các đơn vị đạt chuẩn phổ cập cơ sở vững chắc, kịp thời. Kết quả trưng cầu ý kiến CBQL và GV về tính khả thi của giải pháp này cho thấy, hầu hết đều khẳng định giải pháp này có tính khả thi cao (chỉ số Likelihood đạt 0,91 và 0,93).

Giải pháp "Tổ chức và quản lý và tốt các trường có học sinh bán trú dân nuôi" được đa số CBQL, GV khẳng định là cần thiết (chỉ số Likelihood đạt 0,97". Thực tế cho thấy đối với vùng khó khăn, khoảng cách từ nhà đến trường xa, giao thông kém phát triển, điều kiện đi lại rất khó khăn đặc biệt vào mùa đông, do đó việc xây dựng các trường theo mô hình bán trú dân nuôi, tạo điều kiện cho học sinh ở vùng sâu, vùng xa trong việc học tập. Tuy nhiên, do điều kiện CSVC còn nhiều khó khăn nên hầu hết các trường chỉ tổ chức học 1 buổi/ngày, nếu việc quản lý và tổ chức tốt, đặc biệt tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp cho học sinh sẽ tạo giúp các em luyện tập thêm về văn hóa nhất là tiếng Việt và thêm yêu trường, yêu lớp, không bỏ học. Kết quả trưng cầu ý kiến CBQL và GV về tính khả thi của giải pháp này cho thấy, hầu hết đều khẳng định giải pháp này có tính khả thi cao (chỉ số Likelihood đạt 0,91 và 0,91).

Giải pháp "Bổ sung và hoàn thiện nội dung chương trình giáo dục" cũng được hầu hết các CBQL và GV khẳng định là cần thiết. Thực tế, chương trình giáo dục hiện nay còn chưa thực sự gắn với điều kiện kinh tế- xã hội, và chưa thực sự phù hợp với vùng miền, đặc biệt đối với các vùng

khó khăn. Kết quả trưng cầu ý kiến CBQL và GV về tính khả thi của giải pháp này cho thấy, hầu hết đều khẳng định giải pháp này có tính khả thi cao (chỉ số Likelihood đạt 0,89 và 0,91).

Tóm lại, cả 4 giải pháp trong nhóm giải pháp về đảm bảo số lượng và chất lượng PCGD đều được CBQL và GV khẳng định là cần thiết với chỉ số Likelihood đạt từ 0,83 đến 1 và khả thi với chỉ số Likelihood đạt từ 0,84 đến 0,99.

c) Đối với nhóm giải pháp 3 về nâng cao chất lượng đội ngũ GV.

Nhóm giải pháp 3 bao gồm 2 giải pháp, cả 2 giải pháp đều được CBQL và GV khẳng định là cần thiết với chỉ số Likelihood từ 0,91 đến 1. Đặc biệt, giải pháp "Xây dựng kế hoạch đào tạo đội ngũ GV đủ về số lượng, chất lượng đồng bộ ở các môn học" được gần như 100% CBQL và GV khẳng định là cần thiết (Chỉ số Likelihood đạt đến 1). Một trong những nguyên nhân gây khó khăn cho công tác PCGD tại các vùng khó khăn đó là thiếu GV. Thiếu GV đã làm ảnh hưởng rất lớn đến lực lượng làm công tác phổ cập [4]. Mặc dù trong những năm qua, nhà nước đã đầu tư CSVC, bố trí đội ngũ GV để thực hiện PCGD. Tuy nhiên do chưa xây dựng kế hoạch đào tạo đội ngũ GV đủ về số lượng, đảm bảo chất lượng nên một số xã khó khăn chưa đủ GV và chưa đồng bộ về cơ cấu GV, nhiều vùng thiếu GV Nghệ thuật, Thể dục và Tiếng Anh. Vì vậy, xây dựng kế hoạch đào tạo đội ngũ GV đủ về số lượng, chất lượng đồng bộ ở các môn học là giải pháp căn bản. Vì vậy, nâng cao chất lượng đội ngũ GV làm việc làm hết sức cần thiết. Kết quả trưng cầu ý kiến CBQL và GV về tính khả thi của giải pháp này cho thấy, hầu hết đều khẳng định giải pháp này có tính khả thi cao (chỉ số Likelihood đạt 0,94 và 0,99).

Bên cạnh công tác xây dựng kế hoạch đào tạo đội ngũ GV, việc xây dựng chính sách tăng cường đội ngũ GV cho vùng khó khăn cũng là giải pháp được CBQL và GV khẳng định là cần thiết (chỉ số likelihood đạt từ 0,91 đến 1). Thực tế cho thấy, đội ngũ GV (lực lượng nòng cốt thực hiện PCGD) hiện đang thiếu về số lượng chủng loại và còn yếu về chất lượng trong khi nhiệm vụ của họ rất nặng nề: vừa bảo đảm dạy chương trình trung học chính quy ở nhà trường, vừa phải dạy chương trình phổ cập cho các đối tượng

khác trong độ tuổi ở ngoài nhà trường. Trong khi đó, việc huy động các lực lượng ngoài nhà trường tham gia dạy phổ cập THCS sẽ gặp nhiều khó khăn hơn so với dạy phổ cập tiểu học và xoá mù chữ do chương trình bao gồm nhiều bộ môn khoa học có tính chuyên môn nghiệp vụ cao hơn. Đây là trở ngại lớn nhất đối với việc hoàn thành phổ cập THCS đúng thời hạn tại các vùng khó khăn. Vì vậy giải pháp xây dựng chính sách để huy động GV dạy lớp phổ cập, GV lên vùng cao, giáo sinh tốt nghiệp chưa có việc làm và các đội tình nguyện tham gia công tác phổ cập được hầu hết CBQL và GV khảo sát nhất trí cao. Kết quả trưng cầu ý kiến CBQL và GV về tính khả thi của giải pháp này cho thấy, hầu hết đều khẳng định giải pháp này có tính khả thi (chỉ số Likelihood đạt 0,75 và 0,90).

Tóm lại, cả 2 giải pháp trong nhóm giải pháp về nâng cao chất lượng đội ngũ GV làm công tác PCGD đều được CBQL và GV khẳng định là cần thiết với chỉ số Likelihood đạt từ 0,91 đến 1 và khả thi với chỉ số Likelihood đạt từ 0,75 đến 0,99.

d) Đối với nhóm giải pháp 4 về quản lý CSVC và tài chính

Nhóm giải pháp 4 bao gồm 3 giải pháp, cả 3 giải pháp đều được CBQL, GV của các xã khó khăn của 3 tỉnh khẳng định là cần thiết với mức đánh giá theo thang đo Likelihood từ 0,87 đến 0,98. Thực tế cho thấy, việc quy hoạch mạng lưới các trường trên cơ sở dự báo phát triển dân số, phát triển kinh tế xã hội tạo điều kiện cho học sinh có đủ điều kiện cơ bản, tối thiểu để học tập có chất lượng. Các ý kiến đánh giá của CBQL và GV 3 tỉnh đều nhất trí đây là giải pháp hết sức cần thiết (chỉ số Likelihood đạt 0,98 và 0,96), không chỉ tạo điều kiện cho học sinh yên tâm học tập mà còn đảm bảo chất lượng giáo dục toàn diện. Kết quả trưng cầu ý kiến CBQL và GV về tính khả thi của giải pháp này cho thấy, hầu hết đều khẳng định giải pháp này có tính khả thi cao (chỉ số Likelihood đạt 0,92 và 0,91).

Giải pháp "Tăng cường đầu tư phát triển giáo dục; sử dụng và quản lý tài chính có hiệu quả" cũng được hầu hết CBQL, GV khẳng định là cần thiết (chỉ số Likelihood đạt 0,98 và 0,98). Thực tế PCGD ở một số địa phương cho thấy những nơi sớm hoàn thành PCGD Tiểu học và

THCS là những nơi có điều kiện kinh tế- xã hội phát triển, có nhiều điều kiện thuận lợi. Do đó, những trở ngại, khó khăn về kinh phí, CSVC đều nhanh chóng được khắc phục. Các tiêu chuẩn mà Bộ GD & ĐT quy định [1] đều không quá cao với những nơi này, nhưng khi triển khai đại trà trên cả nước ở mọi miền thì công tác PCGD đã gặp phải không ít khó khăn, trong đó vấn đề đầu tiên là kinh phí. Đây là khó khăn lớn nhất với những địa phương kém phát triển về kinh tế, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa. Vì vậy, ngân sách nhà nước tập trung hơn cho các bậc giáo dục vùng khó khăn. Đây là một trong các giải pháp hữu hiệu được CBQL và GV đánh giá cao để thực hiện PCGD. Kết quả trưng cầu ý kiến CBQL và GV về tính khả thi của giải pháp này cho thấy, hầu hết đều khẳng định giải pháp này có tính khả thi (chỉ số Likelihood đạt 0,81 và 0,92).

Một giải pháp nữa được CBQL và GV khẳng định là cần thiết đó là "Mở các lớp bán trú, nội trú dân nuôi, lớp nhô và lớp phổ cập cắm bản", chỉ số Likelihood đạt 0,81 và 0,91. Vùng khó khăn bao gồm các xã vùng sâu, vùng xa, vùng cao hẻo lánh, vùng biên giới, đường đèo dốc, vùng sông nước... đi lại rất khó khăn. Khoảng cách của các xã đến các khu vực động lực phát triển trên 20 km. Hệ thống cơ sở hạ tầng còn chưa được xây dựng hoặc còn tạm bợ, giao thông rất khó khăn, không có đường ô tô vào xã. Các công trình điện, nước sạch, thủy lợi, trường học, bệnh xá rất thấp kém hoặc không có. Mật độ dân số vùng khó khăn lại rất thất thường là 100 người/km, số trường tiểu học, đặc biệt trường THCS lại rất ít. Đi học xa, đường đi học khó khăn là nguyên nhân bỏ học của nhiều học sinh [4]. Đây là một trong những trở ngại lớn cho công tác PCGD THCS. Vì vậy, mở các lớp bán trú, nội trú dân nuôi, lớp THCS "nhô" tại các trường tiểu học ở các xã chưa có trường THCS, PTCS được CBQL và GV coi là giải pháp cần thiết cho các vùng khó khăn để thực hiện PCGD. "Mô hình bán trú dân nuôi" đã được thực hiện rất tốt ở nhiều tỉnh miền núi phía Bắc. Tuy nhiên, mô hình này mới chỉ dừng lại ở việc cung cấp nơi ở và hỗ trợ về ăn uống cho các em, chưa thực sự trở thành nơi hỗ trợ các em về mọi mặt đặc biệt về các kỹ năng sống, kiến thức về văn hóa, tiếng Việt. Tương tự như vậy, kết quả trưng cầu ý kiến

CBQL và GV về tính khả thi của giải pháp này cho thấy, hầu hết đều khẳng định giải pháp này có tính khả thi (chỉ số Likelihood đạt 0,88 và 0,85).

Tóm lại, cả 3 giải pháp trong nhóm giải pháp về quản lý CSVC và tài chính đều được CBQL và GV khẳng định là cần thiết với chỉ số Likelihood đạt từ 0,81 đến 0,98 và khả thi với chỉ số Likelihood đạt từ 0,85 đến 0,91.

e) *Đối với nhóm giải pháp 5 về tăng cường sự tham gia của các lực lượng xã hội*

Nhóm giải pháp 5 bao gồm 7 giải pháp, cả 7 giải pháp đều được CBQL, GV của các xã khó khăn của 3 tỉnh Hòa Bình, Yên Bái, Hà Giang khẳng định là các giải pháp đều cần thiết với mức đánh giá theo thang đo Likelihood từ 0,76 đến 1.

Giải pháp "Tăng cường công tác tuyên truyền để nâng cao nhận thức trong cộng đồng về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác PCGD" là giải pháp được các CBQL và GV khẳng định là cần thiết nhất với chỉ số Likelihood đạt đến và 0,99 và đây cũng là giải pháp mà CBQL, GV khẳng định mang tính khả thi cao với chỉ số Likelihood đạt 0,91 và 0,87. Đây là giải pháp đặc biệt quan trọng đối với các việc thực hiện PCGD. Vì nhận thức của đồng bào dân tộc thấp, họ chưa hiểu hết được tầm quan trọng của việc cho con đi học.

Giải pháp "Ngành giáo dục phối hợp với chính quyền địa phương quản lý hộ khẩu, hộ tịch, chỉ giải quyết cho đi làm ăn xa khi hoàn thành PCGD THCS, có quy định diện 15-18 tuổi được phép hành nghề khi tốt nghiệp THCS" là giải pháp nhận được sự đồng tình và ủng hộ của CBQL và GV (chỉ số Likelihood đạt 0,95 và 0,92). Học sinh tuổi 15-18 đã có thể tham gia lao động ở gia đình, ở địa phương. Nhiều em đã bỏ học sau khi học xong tiểu học, do đó ảnh hưởng không nhỏ đến tỉ lệ huy động học sinh ra lớp. Thực hiện giải pháp này sẽ ngăn chặn bớt tỉ lệ học sinh bỏ học và tham gia lao động sớm. Giải pháp này cũng được CBQL và GV khẳng định mang tính khả thi (với chỉ số Likelihood đạt 0,89 và 0,85).

Giải pháp "Xây dựng chương trình hoạt động thanh niên tình nguyện tham gia công tác PCGD" cũng là giải pháp được CBQL, GV đánh

giá là cần thiết và mang tính khả thi cao với chỉ số Likelihood đạt từ 0,89 trở lên.

Các giải pháp còn lại như: "Các đoàn thể cần đưa ra chỉ tiêu việc tham gia vận động học sinh ra lớp gắn với việc xem xét thi đua tập thể và cá nhân"; "Xây dựng chính sách hỗ trợ gia làng, trưởng bản, bộ đội biên phòng để vận động duy trì các lớp phổ cập"; "Xây dựng chính sách hỗ trợ học sinh nghèo về lương thực, tiền mua sách vở và đồ dùng học tập"; "Xây dựng chương trình cộng đồng tham gia hỗ trợ công tác PCGD" cũng đều được CBQL và GV khẳng định là cần thiết và mang tính khả thi (chỉ số Likelihood đều đạt từ 0,79 trở lên).

Tóm lại, cả 7 giải pháp trong nhóm giải pháp về "tăng cường sự tham gia của các lực lượng xã hội" đều được CBQL và GV khẳng định là cần thiết với chỉ số Likelihood đạt từ 0,89 đến 0,98 và khả thi với chỉ số Likelihood đạt từ 0,79 đến 0,93.

Kết quả, trưng cầu ý kiến về tính khả thi của các nhóm giải pháp cho thấy cả 5 nhóm giải pháp trên đều được CBQL và GV khẳng định có thể thực hiện được PCGD ở các vùng khó khăn nếu các nhóm giải pháp trên được triển khai một cách đồng bộ, có sự phối hợp chặt chẽ giữa các tổ chức có liên quan và phải được đa dạng dưới nhiều hình thức phong phú.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ GD & ĐT (2005), *Sổ tay PCGD THCS và bậc trung học*
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Báo cáo tổng kết năm học 2008-2009 phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên và giáo dục chuyên nghiệp năm học 2009-2020*, Đà Nẵng, 2009.
3. Chính phủ CHXHCNVN (2001), *Chiến lược giáo dục 2001-2010*, NXB Giáo dục.
4. Trịnh Thị Anh Hoa (2007), *Những thuận lợi và khó khăn của công tác PCGD*, Tạp chí Khoa học Giáo dục, số 26.

SUMMARY

Education universalization is one of the most important tasks of the education sector. This article gives 5 major groups with 21 solutions for universalization in difficult areas, with analysis of necessity and feasibility of each solution.